

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra Tin học cho sinh viên đại học chính quy kỳ thi tháng 12/2021 và tháng 01/2022

**GIÁM ĐỐC**

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra và tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học đối với sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng ngày 22/02/2022 xét công nhận đạt Chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học cho sinh viên chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận đạt chuẩn đầu ra Tin học cho 115 sinh viên hệ đào tạo chính quy của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai tại kỳ thi tháng 12/2021 và tháng 01/2022.

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các sinh viên trong danh sách được công nhận đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Quyết định 1881/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Giám đốc trung tâm TH&NN, Trưởng các Khoa, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:   
- Như điều 3;  
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mai Hải Châu**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TÌN HỌC**

(Kèm theo Quyết định số: 209 /QĐ-PHDHLN-ĐT ngày 23 tháng 2 năm 2022  
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Họ và Tên		Lớp	Điểm		Ghi chú
				Điểm LT	Điểm TH	
1	Cổ Văn	An	K64B3_LT_QLDD_CQ	8,0	7,5	Đạt
2	Nguyễn Danh	An	K63_CBLS	8,3	7,5	Đạt
3	Phạm Thị	An	K65B1_LT_KT_BH_CQ	8,7	5,0	Đạt
4	Đàm Thế	Anh	K63_BVTV	6,3	5,0	Đạt
5	Võ Thành	Bạn	K63_QLTNR	7,0	6,8	Đạt
6	H'	Brách	K63_QLTNR	7,0	5,3	Đạt
7	Bùi Văn	Chiến	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	6,7	6,3	Đạt
8	Nguyễn Thành	Cương	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	7,7	9,0	Đạt
9	Võ Thành	Đan	K63_KHCT	8,0	5,0	Đạt
10	Nguyễn Ánh	Đặng	K9B_LT_TY_CQ	7,0	6,0	Đạt
11	Nhâm Hải	Đặng	K63_QLTNR	7,7	5,0	Đạt
12	Nguyễn Xuân	Danh	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	6,3	5,5	Đạt
13	Hồ Quân	Đạt	K65B2_LT_THUY_CQ	8,3	8,8	Đạt
14	Nguyễn Ngọc	Điệp	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,7	6,0	Đạt
15	Nguyễn Thành	Đông	K9B_LT_TY_CQ	8,3	7,5	Đạt
16	Nguyễn Thị Thùy	Dư	K63_BVTV	8,3	6,5	Đạt
17	Nguyễn Quang	Dũng	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,7	5,8	Đạt
18	Ngô Bá Bình	Dương	K63_TKNT	7,7	5,3	Đạt
19	Trần Quốc	Duy	K63_QLTNR	8,7	7,3	Đạt
20	Trương Ngọc Thiện	Duyên	K62B_THUY	6,0	7,3	Đạt
21	Trịnh Thị	Hà	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	7,0	5,0	Đạt
22	Ma	Hàng	K63_KHCT	7,3	5,0	Đạt
23	Cao Thị	Hào	K65B1_LT_KT_BH_CQ	8,3	7,5	Đạt
24	Võ Phúc	Hậu	K63_BVTV	8,3	6,5	Đạt
25	Phạm Thanh	Hiền	K9B_LT_TY_CQ	8,0	6,0	Đạt
26	Bùi Thị Bích	Hiền	K9B_LT_TY_CQ	Miễn thi		Đạt
27	Trần Văn	Hiệp	K63_QLTNR	6,7	6,0	Đạt
28	Trần Văn	Hiếu	K9B_LT_TY_CQ	6,0	5,0	Đạt
29	Ngô Vũ Thành	Hiếu	K63_CBLS	7,7	8,0	Đạt
30	Phan Thị Thu	Hoài	K63_KT	6,3	6,8	Đạt
31	Phạm Văn	Hoàng	K9B_LT_TY_CQ	8,0	6,0	Đạt
32	Đỗ Thị Xuân	Hồng	K63_KHCT	6,7	8,0	Đạt
33	Nguyễn Hữu	Hùng	K63_QLTNR	6,0	5,5	Đạt
34	Võ Bá Mạnh	Hùng	K9B_LT_TY_CQ	8,7	5,3	Đạt
35	Nguyễn Văn	Hưng	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,0	5,8	Đạt
36	Lê Quang	Kha	K64_CBLS	5,3	6,0	Đạt
37	Nguyễn Minh	Khải	K9B_LT_TY_CQ	7,3	6,8	Đạt
38	Lê Minh	Khiêm	K63_CBLS	6,3	7,5	Đạt



*(Handwritten signature)*

39	Chau	Khone	K63_QLTNR	6,0	7,0	Đạt
40	Trần Anh	Kiệt	K63_QLTNR	5,3	5,0	Đạt
41	Nguyễn Ngọc	Lâm	K63_KHCT	6,7	7,0	Đạt
42	Địch Văn	Lanh	K64_CBLS	7,3	5,8	Đạt
43	Hồ Thị	Lê	K66A4_LT_KT_BH_CQ	7,0	6,8	Đạt
44	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,3	6,8	Đạt
45	Mai Trần Thị Kiều	Linh	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,3	8,8	Đạt
46	Hồ Tú	Linh	K63_CBLS	8,3	7,3	Đạt
47	Huỳnh Văn	Lộc	K63_KHCT	6,3	6,5	Đạt
48	Phạm Hoàng	Long	K63_QLTNR	6,7	5,3	Đạt
49	Trần Nguyễn Duy	Long	K9B_LT_TY_CQ	6,7	8,8	Đạt
50	Phạm Văn	Minh	K63_BVTV	9,0	8,0	Đạt
51	Trần Hoàng Họa	My	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	9,3	7,3	Đạt
52	Nguyễn Thị Thúy	Nga	K63_KHCT	6,3	7,5	Đạt
53	Trần Thị Kim	Ngân	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,0	5,0	Đạt
54	Lý Tuấn	Nghĩa	K63_KHCT	8,0	5,0	Đạt
55	Phạm Thị	Nhân	K65B2_LT_THUY_CQ	7,7	5,0	Đạt
56	Phan Trọng	Nhân	K65B2_LT_THUY_CQ	8,0	8,5	Đạt
57	Vũ Duy	Nhất	K63_CBLS	8,0	7,3	Đạt
58	Nguyễn Minh	Nhật	K63_KHCT	6,7	6,8	Đạt
59	Nguyễn Tuệ	Nhi	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,7	7,5	Đạt
60	Nguyễn Hồng	Phong	K9B_LT_TY_CQ	6,7	5,3	Đạt
61	Đình Ngọc	Phong	K64_CBLS	7,0	5,0	Đạt
62	Trần Thiên	Phú	K65B1_LT_KT_BH_CQ	7,0	6,3	Đạt
63	Triệu Quý	Phúc	K9B_LT_TY_CQ	7,0	5,0	Đạt
64	Lưu Đức	Phúc	K65B3_LT_QLDD_CQ	7,3	5,0	Đạt
65	Ma Khánh	Phước	K63_QLTNR	6,0	5,0	Đạt
66	Phạm Văn	Phương	K63_BVTV	7,7	6,0	Đạt
67	Lê Xuân	Quân	K9B_LT_TY_CQ	8,7	5,3	Đạt
68	Đặng Minh	Quân	K9B_LT_TY_CQ	8,7	8,3	Đạt
69	Trang Nguyệt	Quế	K63_BVTV	6,7	5,0	Đạt
70	Nguyễn Hữu	Quý	K63_QLTNR	6,3	5,0	Đạt
71	Tăng Năm	Sáng	K9B_LT_TY_CQ	8,3	7,3	Đạt
72	Đặng Thị Hồng	Sen	K63_BVTV	7,3	7,0	Đạt
73	Đoàn Trường	Sơn	K63_KHCT	6,3	7,0	Đạt
74	Nguyễn Minh	Sơn	K9B_LT_TY_CQ	6,7	5,5	Đạt
75	Trà Thị Ngọc	Sương	K63B_THUY)	7,3	6,0	Đạt
76	Lê Thị Thủy	Tâm	K63_QTKD	7,0	5,0	Đạt
77	Đỗ Thị Minh	Tâm	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	9,7	7,0	Đạt
78	Nguyễn Thị	Thanh	K65B1_LT_KT_BH_CQ	6,0	9,3	Đạt
79	Lương Thị Thu	Thào	K63_QLTNR	7,7	7,3	Đạt
80	Phí Ngọc	Thị	K63_QLTNR	5,7	5,5	Đạt
81	Vũ Xuân	Thiện	K9B_LT_TY_CQ	8,7	6,5	Đạt
82	Nguyễn Thị Anh	Thư	K64_KETOAN	9,0	5,3	Đạt

83	Trần Nguyễn Tri	Thức	K63_QLTNR	7,3	5,5	Đạt
84	Lê Thị	Thùy	K65B1_LT_KT_BH_CQ	5,7	6,3	Đạt
85	Nguyễn Thị Minh	Thùy	K65B3_LT_QLDD_CQ	7,3	8,3	Đạt
86	Mai Thị Hồng	Thúy	K66B_THUY	9,0	9,0	Đạt
87	Lơ Mu Ha	Tinh	K63_BVTV	6,7	5,0	Đạt
88	Cao Văn	Tinh	K9B_LT_TY_CQ	7,0	7,8	Đạt
89	Hồ Chu	Toàn	K9B_LT_TY_CQ	6,7	5,0	Đạt
90	Trần Thị Bích	Trâm	K9B_LT_TY_CQ	8,0	5,3	Đạt
91	Nguyễn Thị Đoan	Trang	K63_KT	5,7	6,3	Đạt
92	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K65B1_LT_KT_BH_CQ	6,3	6,0	Đạt
93	Mâu Thị	Trang	K63_BVTV	6,7	6,0	Đạt
94	Nguyễn Thị	Trang	K63_KHCT	7,0	7,8	Đạt
95	Huỳnh Thị Kim	Trọng	K9B_LT_TY_CQ	9,0	7,8	Đạt
96	Nguyễn Hữu	Tú	K63_QLTNR	7,0	5,3	Đạt
97	Đỗ Danh	Tú	K63_QLTNR	7,3	5,5	Đạt
98	Đông Thanh	Tú	K9B_LT_TY_CQ	9,0	8,3	Đạt
99	Ksor A	Tuấn	K63_QLTNR	5,3	5,0	Đạt
100	Đỗ Thanh	Tuấn	K63_QLTNR	6,0	5,0	Đạt
101	Nguyễn Thanh	Tuấn	K65B2_LT_THUY_CQ	8,0	6,3	Đạt
102	Nguyễn Thành Anh	Tuấn	K63_TKNT	9,0	7,8	Đạt
103	Trương Nguyễn Minh	Tuệ	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	6,3	8,5	Đạt
104	Huỳnh Thanh	Tuyển	K63_KT	6,7	7,3	Đạt
105	Mai Thị Kim	Tuyền	K65B1_LT_KT_BH_CQ	8,0	7,0	Đạt
106	Trần Ngọc	Tuyền	K63_QLTNR	7,7	5,0	Đạt
107	Nguyễn Hương	Uyên	K63_BVTV	9,0	6,3	Đạt
108	Trần Thị Kim	Vân	K9B_LT_VB2_QLDD_CQ	7,3	5,8	Đạt
109	Phún Chí	Viên	K9B_LT_TY_CQ	7,7	7,0	Đạt
110	Nguyễn Văn	Việt	K65B3_LT_QLDD_CQ	9,0	8,8	Đạt
111	Nguyễn Văn	Việt	K8B_LT_QLĐĐ_CQ	9,0	9,3	Đạt
112	Huỳnh Hữu	Vinh	K63_QLTNR	6,3	5,0	Đạt
113	Trần Tuấn	Vũ	K9B_LT_TY_CQ	6,3	6,8	Đạt
114	Nguyễn Hùng	Vỹ	K9B_LT_TY_CQ	8,0	5,0	Đạt
115	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	K9B_LT_TY_CQ	6,7	5,0	Đạt

Danh sách này có 115 sinh viên./.

